

BỘ GIAO THÔNG VẬN
TẢI
Số: 24/2021/TT-BGTVT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 2 tháng 11 năm 2021

THÔNG TƯ

Quy định về quản lý, bảo trì công trình hàng không

Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 21 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 28 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 44/2018/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng không;

Căn cứ Nghị định số 05/2021/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kết cấu hạ tầng giao thông và Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư quy định về quản lý, bảo trì công trình hàng không.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về quản lý và bảo trì công trình hàng không dân dụng.

2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan tới quản lý, bảo trì công trình hàng không trên lãnh thổ Việt Nam.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Công trình hàng không là công trình phục vụ cho hoạt động hàng không dân dụng theo quy định của pháp luật về hàng không dân dụng, bao gồm:

a) Công trình kết cấu hạ tầng cảng hàng không theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định số 05/2021/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay;

b) Công trình, hạ tầng kỹ thuật bảo đảm hoạt động bay nằm ngoài phạm vi ranh giới cảng hàng không, sân bay;

c) Công trình cơ sở hạ tầng của các đơn vị cung cấp dịch vụ hàng không nằm ngoài phạm vi ranh giới cảng hàng không, sân bay.

2. Công trình hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý là tài sản kết cấu hạ tầng hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật quản lý, sử dụng tài sản công và Nghị định số 44/2018/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng không (sau đây gọi là Nghị định số 44/2018/NĐ-CP).

3. Bảo trì công trình hàng không là tập hợp các công việc nhằm bảo đảm và duy trì sự làm việc bình thường, an toàn của công trình hàng không theo quy định của thiết kế trong quá trình khai thác sử dụng. Nội dung bảo trì công trình hàng không có thể bao gồm một, một số hoặc toàn bộ các công việc sau: kiểm tra, quan trắc, kiểm định chất lượng, bảo dưỡng và sửa chữa công trình hàng không; bổ sung, thay thế hạng mục, thiết bị để việc khai thác sử dụng công trình hàng không đảm bảo an toàn nhưng không bao gồm các hoạt động làm thay đổi công năng, quy mô công trình hàng không.

4. Quy trình bảo trì công trình hàng không là tài liệu quy định về trình tự, nội dung và chỉ dẫn thực hiện các công việc bảo trì công trình hàng không.
5. Kiểm tra công trình hàng không là việc xem xét bằng trực quan hoặc bằng thiết bị chuyên dùng để đánh giá hiện trạng công trình hàng không nhằm phát hiện các dấu hiệu xuống cấp, hư hỏng của công trình, thiết bị lắp đặt vào công trình để có biện pháp xử lý kịp thời.
6. Quan trắc công trình hàng không là hoạt động theo dõi, đo đạc, ghi nhận sự biến đổi về hình học, biến dạng, chuyển dịch và các thông số kỹ thuật khác của công trình và môi trường xung quanh theo thời gian.
7. Kiểm định chất lượng công trình hàng không là hoạt động kiểm tra, đánh giá chất lượng hoặc nguyên nhân hư hỏng, giá trị, thời hạn sử dụng và các thông số kỹ thuật khác của một bộ phận công trình, thiết bị lắp đặt vào công trình hoặc công trình hàng không thông qua quan trắc, thí nghiệm kết hợp với việc tính toán, phân tích.
8. Bảo dưỡng công trình hàng không là hoạt động (theo dõi, sửa chữa những hư hỏng nhỏ, duy tu thiết bị lắp đặt vào công trình) được tiến hành thường xuyên, định kỳ để duy trì công trình hàng không ở trạng thái khai thác, sử dụng bình thường và hạn chế phát sinh các hư hỏng công trình.
9. Thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình hàng không (tuổi thọ thiết kế) là khoảng thời gian công trình được dự kiến sử dụng, bảo đảm yêu cầu về an toàn và công năng sử dụng. Thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình được quy định trong quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng, nhiệm vụ thiết kế xây dựng công trình.
10. Thời hạn sử dụng thực tế của công trình (tuổi thọ thực tế) là khoảng thời gian công trình được sử dụng thực tế kể từ khi đưa vào khai thác, bảo đảm các yêu cầu về an toàn và công năng sử dụng.
11. Người quản lý sử dụng công trình hàng không là chủ sở hữu công trình trong trường hợp chủ sở hữu trực tiếp quản lý, sử dụng và khai thác hoặc tổ chức, cá nhân được chủ sở hữu ủy quyền quản lý, sử dụng và khai thác trong trường hợp chủ sở hữu không trực tiếp quản lý, sử dụng và khai thác hoặc là người quản lý, sử dụng công trình theo quy định của pháp luật có liên quan.

12. Người được giao quản lý, sử dụng, khai thác công trình hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý là doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân được giao quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý theo quy định Nghị định số 44/2018/NĐ-CP.

Điều 3. Yêu cầu đối với công tác quản lý, bảo trì công trình hàng không

1. Công trình hàng không sau khi đưa vào khai thác sử dụng phải được quản lý, khai thác và bảo trì theo quy định. Thời gian thực hiện quản lý và bảo trì được tính từ ngày nghiệm thu bàn giao đưa công trình vào khai thác sử dụng.

2. Bảo trì công trình hàng không phải thực hiện theo kế hoạch bảo trì hàng năm và quy trình bảo trì được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; tổ chức thực hiện bảo trì theo quy định của Thông tư này và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

3. Việc bảo trì công trình hàng không phải được thực hiện theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật về quản lý, bảo trì công trình hàng không và quy trình bảo trì công trình tương ứng đối với loại công trình đó được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Việc quản lý, khai thác, bảo trì công trình hàng không phải đảm bảo duy trì tuổi thọ công trình, đảm bảo an toàn khai thác, an ninh, an toàn hàng không; an toàn cho người và tài sản, an toàn công trình, phòng chống cháy nổ và bảo vệ môi trường.

Điều 4. Chi phí bảo trì công trình hàng không

1. Chi phí bảo trì công trình hàng không được thực hiện theo Điều 35 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng (sau đây gọi là Nghị định số 06/2021/NĐ-CP); Thông tư số 14/2021/TT-BXD ngày 08 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định chi phí bảo trì công trình xây dựng. Việc quản lý, sử dụng kinh phí bảo trì công trình hàng không thực hiện theo các quy định của pháp luật tương ứng nguồn vốn đảm bảo cho công tác bảo trì công trình hàng không.

2. Dự toán chi phí bảo trì công trình hàng không được lập theo quy định của pháp luật phù hợp với yêu cầu kỹ thuật, yêu cầu công việc bảo trì phải thực hiện, kế hoạch

thực hiện bảo trì của công trình hàng không, điều kiện thi công và biện pháp thi công bảo trì. Đối với các công việc bảo trì công trình hàng không chưa có trong hệ thống định mức xây dựng được công bố hoặc đã có trong hệ thống định mức xây dựng được công bố nhưng chưa phù hợp với yêu cầu kỹ thuật, yêu cầu công việc được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý đầu tư xây dựng.

3. Nội dung các khoản mục chi phí liên quan đến thực hiện bảo trì đối với công trình hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý bao gồm:

- a) Chi phí kiểm tra thường xuyên, định kỳ, đột xuất công trình hàng không;
- b) Chi phí bảo dưỡng công trình hàng không;
- c) Chi phí sửa chữa định kỳ, đột xuất công trình hàng không;
- d) Chi phí kiểm định, đánh giá chất lượng công trình phục vụ công tác bảo trì công trình hàng không;
- đ) Chi phí quan trắc công trình hàng không;
- e) Chi phí đánh giá an toàn công trình trong quá trình khai thác sử dụng;
- g) Chi phí thực hiện các công việc bảo trì công trình hàng không: lập, thẩm tra hoặc điều chỉnh quy trình bảo trì và định mức phục vụ công tác bảo trì công trình hàng không; lập kế hoạch bảo trì công trình hàng không; khảo sát, lập, thẩm tra dự án, dự toán sửa chữa và bảo trì công trình hàng không và các chi phí cần thiết khác phục vụ công tác bảo trì công trình hàng không theo quy định.

Chương II

QUẢN LÝ VÀ BẢO TRÌ CÔNG TRÌNH HÀNG KHÔNG

Điều 5. Trình tự thực hiện bảo trì công trình hàng không

Trình tự thực hiện bảo trì công trình hàng không theo quy định tại Điều 30 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

Điều 6. Quy trình bảo trì công trình hàng không

1. Trách nhiệm lập quy trình bảo trì công trình hàng không

- a) Đối với các công trình hàng không đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, trách nhiệm lập quy trình bảo trì tuân thủ quy định tại khoản 2 Điều 31 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP;